

# Bàn về mối quan hệ giữa biến động chính trị và cuộc cải cách kinh tế tân tự do ở Ai Cập

Nguyễn Hùng Vương\*

Nhận ngày 16 tháng 11 năm 2021. Chấp nhận đăng ngày 10 tháng 8 năm 2022.

**Tóm tắt:** Ai Cập từng chứng kiến cuộc biến động chính trị - xã hội với hàng trăm cuộc biểu tình phản đối cùng các hành vi bất tuân dân sự chống lại nền chính trị cánh tả, được nhìn nhận như là phiên bản 2.0 của “Mùa xuân Ả rập” nhằm lật đổ chính quyền của Tổng thống Hosni Mubarak. Một trong những nguyên nhân chính dẫn đến sự kiện này là sự bất tương thích giữa quyền lực chính trị với trình độ phát triển của kinh tế. Những cải cách của chủ nghĩa tân tự do trong việc tổ chức lại cấu trúc xã hội đã dẫn đến một loạt những tác động xã hội tiêu cực và làm cho chế độ độc tài mất đi tính hợp pháp, điều kiện để các nhóm đối lập như phong trào Hồi giáo nhận được nhiều hơn sự ủng hộ. Trong những năm gần đây, mặc dù tình hình chính trị của Ai Cập đã dần ổn định, nhưng mâu thuẫn giữa trình độ cao về chính trị với trình độ phát triển kinh tế thấp càng gia tăng, đẩy Ai Cập trước nguy cơ rơi vào vòng xoáy bất ổn.

**Từ khóa:** Ai Cập, chủ nghĩa tân tự do, chế độ độc tài, biến động chính trị.

**Phân loại ngành:** Chính trị học

**Abstracts:** Egypt once witnessed socio-political upheaval with hundreds of protests and acts of civil disobedience against leftist politics, seen as version 2.0 of the “Arab Spring” to overthrow the government of President Hosni Mubarak. One of the main reasons for this is the incompatibility between political power and the level of economic development. Neoliberal reforms in the reorganization of the social structure led to a series of negative social effects and made the authoritarian regime lose legitimacy, which is a condition for opposition groups such as Islamic movements received more support. In recent years, although Egypt's political situation has gradually stabilized, the contradiction between a high level of politics and a low level of economic development has increased, pushing Egypt to the risk of falling into a circle of turbulence.

**Key words:** Egypt, Neoliberalism, dictatorship, political upheaval.

**Subject classification:** Politics

## 1. Đặt vấn đề

Đầu năm 2011, làn sóng biểu tình rộng lớn đã nổ ra ở Ai Cập, cuối cùng dẫn đến sự sụp đổ chế độ Hosni Mubarak đã cầm quyền trong 30 năm (10/1981-2/2011). Biến động ở Ai Cập là một phần của phong trào phản đối phổ biến đang lan rộng khắp thế giới Ả Rập. Nếu như biến động chính trị ở Tunisia có nguyên nhân đến từ bên ngoài, thì những cải cách kinh tế trong nước của Ai Cập và hàng loạt hệ lụy xã hội mà nước này tạo ra trở thành nguyên nhân chính bên trong cho những biến động này. Dưới sự lãnh đạo của chính quyền Tổng thống Hosni Mubarak, Ai Cập rơi vào tình cảnh thâm hụt ngân sách, thiếu hụt ngoại hối trầm trọng và khoảng cách đang ngày càng doãng rộng trong cán cân thanh toán. Bên cạnh đó, tình trạng lạm phát tăng nhanh, đồng bảng Ai Cập mất giá liên tục và nợ công tăng cao, đối diện trước tình thế khó khăn chòng chành đó, Ai Cập buộc phải nói lại đàm phán với Quỹ tiền tệ quốc tế (IMF) với hy vọng được vay nợ. Đây là khoản vay có ý nghĩa vô cùng quan trọng đối với Ai Cập, là điều kiện để Liên minh châu Âu (EU), Ngân hàng phát triển châu Phi (AFDP) cân nhắc có nên cho Ai Cập vay thêm nhằm giúp vực dậy nền kinh tế hay không. Như một điều kiện để được vay vốn, chính phủ Ai Cập buộc phải chấp nhận các khuyến nghị

\* Trường Đại học Ngoại Ngữ, Đại học Đà Nẵng.  
Email: philosophy.hv.ud@gmail.com

của các tổ chức tài chính quốc tế và thực hiện kế hoạch “ổn định và điều chỉnh”, tức kinh tế thị trường tự do, lấy cải cách của chủ nghĩa tân tự do và sở hữu tư nhân làm cốt lõi. Khi quá trình cải cách quá nhấn mạnh vai trò của thị trường mà bỏ qua tác động xã hội của cải cách, thì tình trạng đầu sỏ kinh tế của Ai Cập, sự bần cùng hóa của tầng lớp trung lưu và chênh lệch giàu nghèo ngày càng gia tăng đã trở thành nguyên nhân bên trong cho những biến động chính trị của Ai Cập. Bài viết này trình bày khái quát sự phát triển kinh tế của Ai Cập, phân tích bối cảnh, nội dung của những tác động trong cải cách kinh tế chủ nghĩa tân tự do đối với nền kinh tế - xã hội Ai Cập, đồng thời tập trung vào mối quan hệ giữa cải cách kinh tế với những biến động chính trị trong năm 2011.

## 2. Cải cách tân tự do ở Ai Cập trong thời kỳ Anwar Al-Sadad

Sau cuộc cách mạng lật đổ nền quân chủ Muhammad Ali, Gamal Abdel Nasser chủ trương xây dựng chế độ cộng hòa tại Ai Cập. Về kinh tế, Ai Cập thực hiện cải cách ruộng đất, thực hiện chương trình công nghiệp hóa và xây dựng hệ thống phúc lợi theo mô hình của Liên Xô. Đồng thời Gamal Abdel Nasser cũng tích cực theo đuổi chính sách thống nhất Ả Rập gắn liền với chủ nghĩa xã hội (Beinin, 2001). Tuy nhiên, quá trình công nghiệp hóa của Ai Cập không thành công, các doanh nghiệp nhà nước hoạt động kém hiệu quả, khả năng cạnh tranh yếu kém, và cán cân thanh toán quốc tế lâm vào thâm hụt trong một thời gian dài. Trong khi đó, do dân số không ngừng tăng nhanh, Ai Cập buộc phải chi nhiều ngoại hối để nhập khẩu lương thực. Trong thời gian Gamal Abdel Nasser lãnh đạo, Ai Cập trực tiếp tham gia vào nhiều cuộc chiến ở Trung Đông và phải trả giá rất đắt. Vào thời điểm Anwar Al-Sadad lên nắm quyền, nền kinh tế Ai Cập tiếp tục rơi vào khủng hoảng, ngoại hối thiếu hụt trầm trọng và không thể chi trả các khoản trợ cấp lương thực đang ngày một tăng lên cùng các khoản chi phúc lợi xã hội khác.

Sau khi lên làm Tổng thống, Anwar Al-Sadad đã đưa ra nhiều chính sách đối nội và đối ngoại quan trọng. Về mặt ngoại giao, Ai Cập hòa giải với Israel, chấm dứt liên minh với Liên Xô, chuyển sang hợp tác với Mỹ. Về kinh tế, để thoát khỏi khó khăn kinh tế, chính phủ Anwar Al-Sadad đã từ bỏ kinh tế kế hoạch, chuyển sang kinh tế thị trường, tích cực hội nhập vào hệ thống kinh tế tư bản thế giới. Năm 1974, Ai Cập chính thức thực hiện chính sách mở cửa kinh tế. Các biện pháp chính của cải cách này bao gồm: (1) đẩy mạnh thu hút vốn đầu tư nước ngoài. Ai Cập thừa nhận và tôn trọng mọi thành phần kinh tế, khuyến khích doanh nghiệp, doanh nhân nước ngoài đầu tư vốn vào các doanh nghiệp nhà nước và đảm bảo sự an toàn của vốn nước ngoài. Đối với các khoản đầu tư mới sẽ được miễn thuế và các nghĩa vụ khác trong vòng 5 đến 8 năm, cho phép vốn nước ngoài tự do dịch chuyển lãi thuận và vốn (Vi, 2007); (2) khuyến khích phát triển kinh tế tư nhân. Ai Cập áp dụng chính sách xóa bỏ các hạn chế đối với đầu tư tư nhân, mở rộng tỷ trọng trong nền kinh tế quốc dân, bảo vệ các nhà tư bản, khuyến khích các doanh nghiệp tư nhân tham gia vào hoạt động xuất nhập khẩu và được hưởng các chế độ thuế quan như đầu tư nước ngoài (Vi, 2007); (3) thực hiện triệt để thương mại hóa tự do. Thiết lập khu mậu dịch tự do, cho phép các công ty nước ngoài thuê đất giá rẻ cùng nhiều chính sách ưu đãi khác như miễn giảm thuế quan đối với hàng hóa xuất nhập khẩu, dỡ bỏ các rào cản về ngoại thương, cho phép xuất nhập khẩu tự do đối với hầu hết các mặt hàng; (4) nới lỏng việc kiểm soát ngoại hối, đơn giản hóa các thủ tục ngân hàng và thiết lập thị trường ngoại hối.

Từ cuối những năm 1970, tình hình kinh tế của Ai Cập đã có những cải thiện rõ rệt. Từ năm 1975 đến 1985, tốc độ tăng trưởng tổng sản phẩm quốc nội (GDP) trung bình hàng năm của Ai Cập vượt hơn 8% và tốc độ tăng thu nhập bình quân đầu người vượt trên 5% (Amin, 2011, tr.53-54), nhưng hiệu quả đạt được không hoàn toàn đến từ các chính sách cải cách. Trên thực tế, tăng trưởng kinh tế chủ yếu phụ thuộc vào tăng thu nhập phi sản xuất, chẳng hạn như tăng trưởng kiều hối, thuế kênh đào Suez, dầu mỏ và du lịch, và từ khoản viện trợ của Mỹ cho Ai Cập sau khi Ai Cập hòa giải với Israel. Tác động tích cực của cuộc cải cách đối với sự phát triển kinh tế của Ai Cập rất hạn chế, chủ yếu thể hiện ở các khía cạnh sau:

*Thứ nhất*, cải cách của Ai Cập đã không đạt được mục tiêu của nền kinh tế thị trường và sở hữu tư nhân. Sau 15 năm cải cách, các doanh nghiệp nhà nước của Ai Cập vẫn chiếm vị trí hàng đầu

trong các ngành sản xuất, thăm dò dầu khí, xuất nhập khẩu, xây dựng cơ sở hạ tầng, phân phối và dịch vụ... vẫn giữ vị thế độc quyền; hệ thống ngân hàng vẫn do bốn ngân hàng quốc doanh lớn kiểm soát; tỷ lệ nhân viên chính phủ trong dân số có việc làm tăng từ 9% vào đầu những năm 1960 lên 27% vào năm 1976, và vào năm 1981 đã đạt 32% (Ikram, 2006, tr.18).

*Thứ hai*, kinh tế công nghiệp và kinh tế nông nghiệp không được chú trọng, kinh tế “địa tô” gia tăng. Do mức đầu tư cho khoa học và công nghệ chậm trễ và không đủ cho nghiên cứu, đổi mới và phát triển, không đủ để tạo ra tác động tích cực đến hoạt động xuất nhập khẩu nên tốc độ tăng trưởng của công nghiệp sản xuất và nông nghiệp không ngừng giảm sút. Thực tế đó chỉ ra rằng, tăng trưởng kinh tế của Ai Cập phụ thuộc chủ yếu vào thu nhập từ địa tô, dầu mỏ, kênh đào Suez, kiều hối và du lịch với gần 50% thu nhập quốc dân (Kandil, 2014). Nhưng sự phụ thuộc quá lâu vào thu nhập từ địa tô đã khiến nền tảng kinh tế Ai Cập vốn đã yếu ớt, nay càng trở nên yếu ớt hơn.

*Thứ ba*, nợ nước ngoài không ngừng tăng cao. Việc bãi bỏ quy định kiểm soát nhập khẩu, duy trì trợ cấp lương thực và nhiên liệu đã buộc chính phủ Ai Cập phải vay nợ trên quy mô lớn, điều này đã làm tăng gánh nặng nợ của chính phủ. Chỉ riêng trong năm 1975, Ai Cập phải trả 2,083 tỷ USD nợ gốc và lãi vay ngắn hạn, tương đương 78% tổng doanh thu xuất khẩu (Amin, 2011, tr.54). Tổng nợ nước ngoài của Ai Cập cũng đã tăng từ khoảng 5 tỷ USD trong thời kỳ Gamal Abdel Nasser lên 30 tỷ USD (Amin, 2011, tr.54). Điều này dẫn đến tình trạng kinh tế và chính trị của Ai Cập ngày càng phải phụ thuộc chặt chẽ hơn vào nước ngoài.

*Thứ tư*, khoảng cách giàu nghèo không ngừng tăng lên. Chính sách mở cửa kinh tế đã khiến tỷ lệ lạm phát trong nước của Ai Cập duy trì ở mức cao trong một thời gian dài, và chính sách cắt giảm thuế đã làm giảm năng lực của dịch vụ công. Với sự sụt giảm đầu tư vào các doanh nghiệp nhà nước, khu vực kinh tế tư nhân chưa phát triển đầy đủ, số lượng việc làm giảm, và sự gia tăng dân số nhanh chóng đã dẫn đến sự gia tăng liên tục của tỷ lệ thất nghiệp và sự bần cùng hóa tầng lớp trung lưu (Osman, 2011).

Chủ trương hòa giải quốc tế của chính phủ Anwar Al-Sadad với Israel và chính sách cải cách trong nước đã vấp phải sự phản đối của những người theo chủ nghĩa Gamal Abdel Nasser. Nhằm trấn áp phe cánh tả, Anwar Al-Sadad đã giảm dần mối quan hệ với các tổ chức Anh em Hồi giáo (al-'Ikhwān al-Muslimūn). Trong thời kỳ cầm quyền của Anwar Al-Sadad, sức mạnh kinh tế, sự tham gia chính trị và ảnh hưởng xã hội của các tổ chức Hồi giáo như Tổ chức Anh em Hồi giáo đã mở rộng nhanh chóng và trở thành phe đối lập mạnh mẽ nhất ở Ai Cập. Năm 1981, Anwar Al-Sadad bị ám sát bởi những người cực đoan Hồi giáo, Hosni Mubarak lên nắm quyền làm Tổng thống.

Cuối những năm 1970, những tác động tiêu cực của các chính sách cải cách kinh tế bắt đầu xuất hiện, tình hình tài khóa ở Ai Cập tiếp tục xấu đi, chính phủ bắt đầu thực hiện các chính sách thắt lưng buộc bụng làm tăng thêm căng thẳng giữa chính phủ và người dân, các cuộc biểu tình và đình công quy mô lớn thường xuyên xảy ra trên khắp cả nước. Tháng 1/1977, chính phủ Ai Cập thực hiện chính sách cắt trợ cấp lương thực, chính sách này là nguyên nhân nổ ra cuộc “cách mạng bánh mì”, bạo loạn lan nhanh ra các thành phố lớn khiến hơn 800 người chết (Paczynska, 2009). Trước tình cảnh đó, Chính phủ Ai Cập buộc phải khôi phục trợ cấp lương thực và tăng lương trước khi bạo động lắng xuống.

### **3. Cải cách tân tự do trong thời kỳ Hosni Mubarak**

Trong những ngày đầu cầm quyền đầy khó khăn của Tổng thống Hosni Mubarak, ông phải đối diện với các khoản nợ được cho là lớn đến mức mà Ai Cập không thể hoàn trả được. Đến năm 1991, nợ nước ngoài của Ai Cập chiếm 150% GDP của đất nước, và trở thành một trong những quốc gia có tỷ lệ nợ cao nhất trên thế giới (Chowdhury, 2007, tr.72). Để thoát khỏi tình thế tiến thoái lưỡng nan về nợ nần, chính phủ Ai Cập đã đạt được thỏa thuận với các tổ chức tài chính quốc tế như IMF nhằm thực hiện một loạt các biện pháp cải cách trong khuôn khổ tân tự do. Tuy nhiên, việc làm này vẫn không giải quyết được những vấn đề sâu xa của nền kinh tế

Ai Cập, ngược lại đã tạo ra những tác động tiêu cực nghiêm trọng, khiến nền kinh tế Ai Cập rơi vào một cuộc khủng hoảng trầm trọng hơn.

### *3.1. Những cải cách tân tự do thời kỳ Hosni Mubarak làm Tổng thống*

Vào giữa những năm 1980, giá dầu quốc tế giảm mạnh đã làm cho doanh thu từ dầu mỏ và kiều hối của Ai Cập sụt giảm nhanh chóng. Đồng thời, suy thoái kinh tế thế giới làm cho thu nhập từ kênh đào Suez và ngành du lịch sụt giảm, các nguồn thu nhập chính của Ai Cập cũng giảm xuống không ngừng, làm cho tình hình kinh tế của đất nước xấu đi đáng kể. Năm 1986, tốc độ tăng trưởng kinh tế của Ai Cập giảm xuống 1%, dự trữ ngoại hối bị giảm mạnh, tỷ lệ lạm phát tăng lên 23% và tỷ lệ thất nghiệp cao tới 19% (Kandil, 2014, tr.204). Năm 1987, tổng nợ nước ngoài của Ai Cập vượt 40 tỷ USD, gánh nặng lãi suất hàng năm lên tới 2,1 tỷ USD (Kandil, 2014, tr.205).

Để giảm bớt khủng hoảng nợ, từ năm 1982 đến năm 1990, Chính phủ Ai Cập đã nhiều lần đàm phán với các tổ chức tài chính quốc tế như Ngân hàng thế giới và Quỹ tiền tệ quốc tế mong được xóa nợ và các khoản vay mới. Năm 1991, chính phủ Ai Cập đã ký một thỏa thuận với Câu lạc bộ Paris để giảm số nợ ở 17 quốc gia thành viên xuống còn 19 tỷ USD. Do cuộc khủng hoảng nợ trong nước nghiêm trọng và những áp lực liên tục từ Hoa Kỳ, chính phủ Ai Cập buộc phải chấp thuận các điều khoản cho vay của IMF. Tháng 5/1991, Ai Cập và IMF đã ký kết hiệp định “Chương trình Cải cách và Điều chỉnh Cơ cấu Kinh tế” (Economic Reform and Structural Adjustment Program). Đến tháng 10/1991, Ai Cập và Ngân hàng Thế giới đã ký một thỏa thuận “Cho vay điều chỉnh theo cơ cấu” (Structural Adjustment Lending), kể từ đó, Ai Cập đã bắt tay vào con đường cải cách theo Chủ nghĩa tân tự do. Nội dung chính của hai hiệp định này bao gồm: cắt giảm trợ cấp của chính phủ và giảm thâm hụt ngân sách; thực hiện chế độ tự do hóa lãi suất và tỷ giá hối đoái; và thực hiện sở hữu tư nhân đối với doanh nghiệp nhà nước. Theo đó, chính phủ Ai Cập đã áp dụng các biện pháp cải cách sau đây:

*Một là*, cắt giảm trợ cấp tài chính và giảm bớt thâm hụt. Chủ nghĩa tân tự do tin rằng các khoản chi phúc lợi xã hội khổng lồ là nguồn gốc của một loạt các vấn đề kinh tế, làm mất cân bằng tài khóa. Do đó, các tổ chức tài chính quốc tế khuyến nghị Chính phủ Ai Cập giảm chi tiêu cho dịch vụ công, cắt giảm trợ cấp năng lượng và lương thực, giảm thâm hụt tài chính để thúc đẩy tăng trưởng kinh tế. Sau khi thực hiện cải cách, tỷ lệ trợ cấp tài khóa trong GDP của Ai Cập giảm từ 5,2% năm 1992 xuống 1,6% năm 1997, và trợ cấp giảm từ 18 mặt hàng xuống còn 4 mặt hàng (bột mì, bánh mì, dầu ăn và đường) (Rutherford, 2013, tr.138).

*Hai là*, tiến hành tư nhân hóa các doanh nghiệp nhà nước. Chính phủ Ai Cập đã tiến hành bán một số lượng lớn các doanh nghiệp nhà nước để duy trì mức nợ trong phạm vi có thể kiểm soát được. Pháp lệnh số 203 năm 1991 quy định việc Ai Cập đưa 314 doanh nghiệp nhà nước vào kế hoạch tư nhân hóa. Tính đến tháng 6/2000, Chính phủ Ai Cập đã bán được 118 công ty trong số này, với tổng số tiền thu được khoảng 12,3 tỷ bảng Ai Cập, và bán thêm một phần vốn chủ sở hữu của 16 công ty khác với giá 1,8 tỷ bảng Ai Cập (Rutherford, 2013, tr.139).

*Ba là*, thực hiện cải cách chế độ thuế. Để khuyến khích đầu tư tư nhân, Ai Cập đưa ra các chính sách miễn giảm thuế cho các nhà tư bản công nghiệp; thực hiện các chính sách thuế phân biệt đối với các doanh nghiệp có quy mô khác nhau, khuyến khích phát triển các doanh nghiệp lớn với chính sách thuế ưu đãi. Chính sách ưu tiên phát triển doanh nghiệp lớn đã làm kim hãm môi trường kinh doanh của các doanh nghiệp vừa và nhỏ, để tránh bị đánh thuế và thoát khỏi sự giám sát hành chính, mô hình kinh tế phi chính thức của Ai Cập đã mở rộng nhanh chóng. Trong cải cách thuế, Ai Cập đã thực hiện một mức thuế thu nhập duy nhất và giảm mức thuế thu nhập tối đa từ 42% xuống 20%, điều này cũng làm giảm mức thuế cận biên đối với thu nhập từ vốn. Tương ứng, mức lương tối thiểu cho người lao động được cố định ở mức dưới 100 USD mỗi tháng (Mạnh, 2014).

*Bốn là*, thực hiện tự do hóa tài chính. Với mục đích hạn chế mở rộng tín dụng và giảm lạm phát, thu hút đầu tư nước ngoài, cải thiện cán cân thanh toán và làm giàu dự trữ ngoại hối, Ai Cập đã thực hiện tự do hóa tài chính và cải cách mở cửa bằng các biện pháp cụ thể bao gồm tăng lãi suất và dỡ bỏ các biện pháp kiểm soát ngoại hối và tài khoản vốn. Các cải cách tự do hóa tài chính

đã khiến tín dụng công nghiệp ở Ai Cập giảm mạnh, và các khoản tín dụng mới chủ yếu tập trung vào thương mại và bất động sản.

*Năm là*, thực hiện tự do hóa mậu dịch, buôn bán, thương mại. Để nâng cao vị thế của ngành ngoại thương trong nền kinh tế quốc dân và thúc đẩy sự phát triển của thương mại tự do, Ai Cập đã thực hiện một loạt các biện pháp, trong đó chủ yếu là giảm thuế quan, giảm hàng rào phi thuế quan và tự do hóa thương mại. Năm 1995, Ai Cập gia nhập Tổ chức Thương mại Thế giới. Tự do hóa thương mại xuất nhập khẩu đã khiến nhập khẩu của Ai Cập tăng mạnh và thâm hụt thương mại ngày càng lớn. Cuối những năm 1990, trước áp lực giảm dự trữ ngoại hối, Ai Cập đã ban hành các quy định kiểm soát nhập khẩu nhằm hạn chế nhập khẩu và bảo hộ các ngành sản xuất trong nước thông qua thuế chống bán phá giá và nhiều biện pháp khác.

### 3.2. Tác động tiêu cực cải cách tân tự do đối với nền kinh tế Ai Cập

Sau khi chính phủ của Tổng thống Hosni Mubarak thực hiện theo cải cách tân tự do, dưới góc độ dữ liệu kinh tế vĩ mô thì nền kinh tế Ai Cập đã hoạt động tốt. Thống kê cho thấy tốc độ tăng trưởng GDP thực tế của Ai Cập đã tăng từ mức trì trệ thực sự trong những năm 1991-1992 lên hơn 4% trong năm 1995-1996 (Ikram, 2006, tr.66); thâm hụt tài khóa đã giảm đáng kể, từ 15,3% GDP năm 1991 xuống 0,9% năm 1997 (Ikram, 2006, tr.66). Từ năm 1990 đến 1996, tỷ lệ lạm phát của Ai Cập đã giảm từ 20% xuống còn 7% (Rutherford, 2013, tr.139). Sau khi bước sang thế kỷ mới, tốc độ tăng trưởng bình quân hàng năm của nền kinh tế Ai Cập đã đạt 7%. Trong suốt 10 năm điều hành nhà nước của Tổng thống Hosni Mubarak, tổng sản lượng kinh tế của Ai Cập đã tăng gần gấp đôi (Lesch, 2012). Ngoài ra, việc mở cửa thị trường và khuyến khích đầu tư trực tiếp nước ngoài đã giúp làm tăng nhanh dự trữ ngoại hối của Ai Cập.

Tuy nhiên, sự cải thiện kinh tế không thể hoàn toàn nhờ vào những cải cách nêu trên, và những cải cách tân tự do đã không giải quyết được những vấn đề sâu xa của nền kinh tế Ai Cập. *Thứ nhất*, khi Ai Cập duy trì quan hệ chặt chẽ với Hoa Kỳ và tham gia vào lực lượng đa quốc gia do Hoa Kỳ lãnh đạo trong Chiến tranh vùng Vịnh, Hoa Kỳ đã hủy bỏ 50% khoản nợ của Ai Cập vào năm 1996, điều này đã giảm bớt đáng kể áp lực nợ của Ai Cập. *Thứ hai*, nền kinh tế Ai Cập vẫn phụ thuộc nhiều vào thu nhập từ tiền cho thuê đất, cụ thể là thu nhập từ tiền thuê đất, dầu mỏ và từ kênh đào Suez vẫn chiếm 1/3 tổng thu nhập quốc dân (Kandil, 2014). *Thứ ba*, sự suy giảm của ngành nông nghiệp và công nghiệp sản xuất Ai Cập vẫn không thay đổi, và xuất khẩu vẫn trong trạng thái ịch. Những tác động tiêu cực của các cuộc cải cách tân tự do ở Ai Cập ngày càng lộ rõ hơn bao giờ hết.

*Thứ nhất*, sự trỗi dậy của ngành bất động sản đã kéo theo sự suy giảm nền nông nghiệp. Một trong những nội dung chính của cải cách tân tự do ở Ai Cập là chính sách chuyển nhượng đất đai. Ở Ai Cập, đất đai được coi là tài nguyên vô cùng quý giá, là nguồn lực chính để chính phủ phục hồi nền kinh tế. Trong thời kỳ Hosni Mubarak làm Tổng thống, chính phủ Ai Cập đã bán hoặc tặng một số lượng lớn đất nhàn rỗi cho tầng lớp quyền lực có quan hệ gần gũi với gia đình Hosni Mubarak và các nhà phát triển bất động sản hoặc các đại gia khách sạn có quan hệ mật thiết với chính quyền các cấp. Từ những năm 1990, dự án nhà vườn, trang trại du lịch, khách sạn nghỉ dưỡng dọc Biển Đỏ và Địa Trung Hải đã nổi lên với số lượng lớn ở ngoại ô Cairo, và đầu cơ bất động sản trở thành kênh đầu tư sinh lời hấp dẫn nhất. Năm 2002, ngành bất động sản thay thế nông nghiệp trở thành ngành công nghiệp phi dầu mỏ lớn thứ ba của Ai Cập, vượt qua cả ngành sản xuất. Sự phát triển của ngành bất động sản đã dẫn đến việc chiếm dụng ngày càng nhiều diện tích đất nông nghiệp và giảm sản lượng lương thực. Để đáp ứng nhu cầu lương thực, hàng năm Ai Cập cần nhập khẩu khoảng 10 triệu tấn lúa mì, trở thành nước nhập khẩu lúa mì lớn nhất thế giới.

*Thứ hai*, quá trình tư hữu hóa đã thúc đẩy việc phá hủy hệ thống công nghiệp của nhà nước, biến Ai Cập trở thành “nền kinh tế phụ thuộc”. Trong thời kỳ đầu cải cách của tân tự do, 260 trong số 314 doanh nghiệp nhà nước của Ai Cập nằm trong kế hoạch cải cách tư nhân hóa vẫn sản xuất có lãi và chỉ có 54 doanh nghiệp thua lỗ. Tổng lợi nhuận hàng năm đạt 550 triệu USD và tổng số

lỗ hàng năm chỉ vào khoảng 110 triệu USD. Tuy nhiên, Chính phủ Ai Cập bán toàn bộ hoặc một phần các công ty này cho các nhà đầu tư trong và ngoài nước với giá rẻ vào khoảng 600 triệu USD, khiến tài sản nhà nước thất thoát lớn. Vào những năm 1990, hơn 70% đầu vào sản xuất của các công ty Ai Cập là từ nhập khẩu, trong khi xuất khẩu các sản phẩm của nó chỉ chiếm 44% (Kandil, 2014, tr.206-207). Ai Cập đã trải qua hai đợt thực hiện tư nhân hóa quy mô lớn, liên quan đến các ngành công nghiệp khác nhau như sản xuất, khai thác than, vận tải đường bộ, ngân hàng, bảo hiểm, điện và viễn thông. Có thể khẳng định rằng, những cải cách của Chủ nghĩa tân tự do đã giúp “tái tạo” nền kinh tế Ai Cập, nhưng các ngành công nghiệp chính của nền kinh tế quốc gia bị tư bản nước ngoài kiểm soát và sự phụ thuộc của nền kinh tế vào nước ngoài ngày càng gia tăng.

*Thứ ba*, mở cửa ngành tài chính là nguyên nhân chính dẫn đến chế độ đầu sỏ kinh tế. Các ngân hàng quốc doanh của Ai Cập nắm giữ 60% tổng số tiền gửi của đất nước và cung cấp 50% các khoản cho vay trong nước. Sau khi ngành tài chính Ai Cập mở cửa, các ngân hàng quốc doanh trở thành “máy rút tiền” cho một số thương gia thân cận với chế độ. Những doanh nhân này đã lợi dụng nền tảng chính trị của họ để lừa đảo các khoản vay ngân hàng. Năm 2002, Ai Cập có 12 con nợ chiếm 18% tổng số nợ xấu của các ngân hàng quốc doanh. Chính phủ đã phải chi 40% số tiền thu được từ quá trình thực hiện tư nhân hóa để trả nợ cho các thương gia này (Kandil, 2014, tr.207). Do đó, một số doanh nhân thân cận với gia đình Hosni Mubarak đã lấy tài sản thuộc sở hữu nhà nước thông qua kinh doanh không vốn. Đồng thời, một số ngân hàng quốc doanh cũng bị bán và bị kiểm soát nhiều hơn bởi tư bản nước ngoài hoặc các nhà tài phiệt kinh tế. Năm 2005, Ngân hàng Thương mại Ai Cập đã bán 70% cổ phần của mình. Năm 2006, Ngân hàng Alexandria - một trong bốn ngân hàng quốc doanh lớn nhất ở Ai Cập bị mua lại bởi Ngân hàng Saopaulo của Ý (Kandil, 2014).

*Thứ tư*, sự phát triển của chủ nghĩa tư bản thân hữu. Cải cách của chủ nghĩa tân tự do đã dẫn đến sự xuất hiện của một nhóm các nhà tài phiệt biết lợi dụng cả chính trị và kinh doanh. Nhờ mối quan hệ với gia đình Hosni Mubarak, họ đã tham ô tài sản của nhà nước, dần thâm nhập vào chính trị và nắm giữ quyền lực, đẩy nhanh sự phát triển của chủ nghĩa tư bản thân hữu ở Ai Cập. Từ những năm 1990, một số doanh nhân bắt đầu can thiệp sâu hơn vào việc xây dựng các chính sách của nhà nước, bắt đầu bằng việc xây dựng các quy tắc để giành lấy sự giàu có. Cụ thể như, một số bạn bè là doanh nhân của Gamal Mubarak (con trai thứ hai của Tổng thống Hosni Mubarak) bắt đầu bằng việc trực tiếp tham gia chính trị, một trong số họ trở thành thành viên nội các, làm lãnh đạo trong lĩnh vực tài chính, hoặc vào Ban lãnh đạo của đảng cầm quyền và kiểm soát trực tiếp việc ra các quyết định kinh tế của đất nước. Do có nhiều bộ trưởng thực quyền là doanh nhân, nội các cuối cùng của chế độ Hosni Mubarak mà Ahmed Nazef làm thủ tướng được gọi là “nội các doanh nhân” (Kandil, 2014). Năm 2004, Ezz Steel mua lại công ty thép quốc doanh lớn nhất Ai Cập (ANSSDK) thông qua đấu giá kín với các khoản vay ngân hàng. Ezz Steel đã trở thành công ty sản xuất thép lớn nhất ở Trung Đông, chiếm 55,3% thị phần trong nước và 72,3% lượng thép xuất khẩu (Kandil, 2014, tr.214). Với khối tài sản cá nhân hơn 10 tỷ USD, Ahmed Ezz đứng đầu danh sách người giàu nhất ở Ai Cập. Được sự giúp đỡ của Gamal Mubarak, ông trở thành bộ trưởng của Đảng quốc gia dân chủ cầm quyền ở Ai Cập. Năm 2005, thêm lần nữa ông được nắm giữ vai trò lãnh đạo quan trọng trong nghị viện (Kandil, 2014).

Hàng nghìn báo cáo do Cơ quan Kiểm toán Trung ương Ai Cập đệ trình trong khoảng thời gian từ tháng 10 năm 1999 đến tháng 7 năm 2004 đã nêu chi tiết các vi phạm khác nhau của các quan chức chính phủ và người thân của gia đình Hosni Mubarak là các doanh nhân. Các báo cáo này cho thấy tham nhũng tài chính của Ai Cập đã lên tới 100 tỷ bảng Ai Cập trong 5 năm, với khoản 5 tỷ bảng Ai Cập từ các giao dịch rửa tiền và 500 triệu hối lộ các quan chức công quyền (Kandil, 2014, tr.213). Gia đình Tổng thống Hosni Mubarak, thủ tướng, các bộ trưởng, thành viên của thượng viện và hạ viện cùng các nhà tư bản quyền lực đều có trong báo cáo này.

*Thứ năm*, sự bản cùng hóa tầng lớp trung lưu. Trong những năm 1990, các doanh nghiệp nhà nước của Ai Cập đã được tư nhân hóa và tiến hành sa thải đáng kể công nhân nhà nước,

các doanh nghiệp tư nhân không thể cung cấp đủ việc làm, dẫn đến tỷ lệ thất nghiệp gia tăng và mức lương thấp hơn ở Ai Cập. Mức lương trung bình năm 1994 chỉ bằng 2/3 so với năm 1985. Mức lương thấp và lạm phát cao đã làm nghèo đi tầng lớp trung lưu. Năm 2000, gần một nửa dân số Ai Cập sống dưới mức nghèo khổ (Paczynska, 2009). Tầng lớp trung lưu ở Ai Cập dần dần bị gạt ra ngoài lề xã hội, và xã hội được phân chia thành tầng lớp trên bao gồm giới tinh hoa cầm quyền và những nhà tư bản quyền lực thân cận với chế độ, cuối cùng là những người nghèo ở tầng lớp dưới chiếm phần lớn dân số. Timothy Mitchell chỉ ra rằng: “Hệ quả của cuộc cải cách ở Ai Cập là của cải tập trung vào tay một số ít người trong xã hội, và ngày càng có rất ít người có của cải trong tay. Chính sách của nhà nước chủ yếu phục vụ cho các nhà tài chính, nhà bất động sản và các nhà đầu cơ, chứ không phải để phát triển công nghiệp, nông nghiệp và giáo dục” (Kandil, 2014).

#### 4. Ảnh hưởng của cải cách tân tự do đến nền chính trị Ai Cập

Sau “Cách mạng tháng Bảy” năm 1952, Ai Cập về cơ bản đã hình thành cơ cấu quyền lực quốc gia, Tổng thống giữ vai trò thống trị và quân đội giữ vị trí hàng đầu. Mặc dù Ai Cập có hiến pháp và các cơ quan lập pháp, hành chính và tư pháp, nhưng trên thực tế nền chính trị, nó vẫn mang tính độc tài. Chính quyền thực hiện chủ trương chuyên chế chính trị và phúc lợi ứng phó như là phương thức duy trì tính hợp pháp của chế độ độc tài, và cuộc cải cách tân tự do đối với nền kinh tế Ai Cập về cơ bản đã làm suy yếu nền tảng về tính hợp pháp của chế độ độc tài này. Ngoài ra, việc điều chỉnh cấu trúc quyền lực chính trị dưới thời trị vì của Mubarak và sự xâm phạm đến lợi ích quân sự của những người giàu, người có quyền lực, và kết quả của các cuộc cải cách đã làm thay đổi cấu trúc nội bộ của nhóm cầm quyền ở Ai Cập. Cùng với đó là sự lớn mạnh của Tổ chức Anh em Hồi giáo đối lập chính trị, sự gia tăng của các phong trào phản đối phổ biến. Cuộc cải cách tân tự do và những hệ quả kinh tế của nó đã mang đến một loạt những ảnh hưởng tiêu cực đến chính trị Ai Cập, là nguyên nhân chính dẫn đến cuộc chính biến ở Ai Cập.

##### 4.1. Chủ nghĩa độc tài ở Ai Cập

Chủ nghĩa độc tài là hệ thống chính trị được hình thành ở Ai Cập kể từ sau “Cách mạng tháng Bảy”. Sự ổn định của chủ nghĩa chuyên chế Ai Cập bắt nguồn từ hai yếu tố: *một là*, đã xây dựng được tính chính danh chính trị. Tính hợp pháp của nền chính trị chuyên chế Ai Cập dựa trên khả năng của chính quyền trong việc cung cấp các phúc lợi cho người dân và việc chính phủ sử dụng các biện pháp chuyên chế để duy trì hiệu quả của chế độ chính trị; *hai là*, sự phân chia, kết hợp của các lực lượng chính trị trong nhóm cầm quyền và những thay đổi trong cơ cấu quyền lực. Những thay đổi trong hai yếu tố này sẽ có tác động lớn đến sự ổn định của nền chính trị độc tài của Ai Cập.

##### 4.1.1. Về tính hợp pháp của chế độ chuyên chế Ai Cập

Tính hợp pháp là một vấn đề cực kỳ phức tạp. Trong lĩnh vực chính trị, tính hợp pháp chủ yếu liên quan đến quản trị, là sự thừa nhận của hoạt động quản trị, cũng như sự công nhận và trung thành của công chúng đối với hệ thống quản trị. Quyền lực chính trị được hỗ trợ bởi tính hợp pháp, và mọi nguồn gốc của tính hợp pháp về quyền lực chính trị đều là cơ sở giá trị được hầu hết mọi người trong xã hội thừa nhận, nghĩa là “tính hợp pháp dựa trên giá trị mà một xã hội cụ thể coi là quan trọng nhất” (Haviland, 2002). Huntington đã chỉ ra trong cuốn sách *Làn sóng thứ ba: Làn sóng dân chủ hóa cuối thế kỷ XX* rằng, vấn đề tính hợp pháp là huyết mạch lớn nhất của một chế độ độc tài (Huntington, 1991). Là một hệ thống chuyên chế hay chế độ quân chủ thế tục, các quốc gia Ả Rập có tính hợp pháp chính trị bắt nguồn từ truyền thống lịch sử hình thành đất nước và chủ yếu bị ảnh hưởng bởi hai yếu tố sau.

*Một mặt*, nó trao đổi các lợi ích phúc lợi để ổn định chính trị. Theo Wahid Abdul Majid (một nhà nghiên cứu tại Trung tâm Nghiên cứu Chiến lược và Chính trị Ai Cập), ở các nước Ả Rập, bao gồm cả Ai Cập, tính hợp pháp chế độ của họ phần lớn phụ thuộc vào những cam kết của chính phủ đối với người dân trong việc cải thiện mức sống và đảm bảo các lợi ích phúc lợi (Al-Awadi, 2004).

Đối với giới tinh hoa Ai Cập và các nhà hoạt động xã hội, phần lớn đều coi Ai Cập là một nhà nước phúc lợi (Wickham, 2002). Hệ thống phúc lợi của Ai Cập được hình thành từ thời của nhà lãnh đạo Gamal Abdel Nasser, khi đó nhà nước cung cấp cho người dân nền giáo dục miễn phí, dịch vụ y tế miễn phí và đảm bảo việc làm, đồng thời đảm bảo thu nhập và mức sống của người nghèo dưới hình thức trợ cấp hàng hóa cơ bản và các dịch vụ xã hội. Nhà nước thực hiện lời hứa cải thiện điều kiện sống của người dân để đổi lấy sự ủng hộ chính trị và sự tuân thủ của người dân. Đây đã trở thành “khế ước xã hội” mà Ai Cập đạt được kể từ khi thành lập quốc gia vào năm 1952. Thông qua sự phát triển kinh tế và xã hội không ngừng, mức sống của người dân được đảm bảo và đáp ứng những mong đợi cơ bản của người dân đã trở thành nền tảng cho tính hợp pháp của chế độ cai trị ở Ai Cập. Do đó, cho dù ở bất kỳ thời điểm nào, trong thời kỳ lãnh đạo của Gamal Abdel Nasser, hay trong thời kỳ cải cách kinh tế theo hướng tư nhân hóa của Anwar Al-Sadad, cho đến quá trình tái cấu trúc nền kinh tế bởi Gamal Mubarak, nếu Chính phủ không chú trọng cải thiện đời sống người dân thì khi đó chế độ chính trị của Ai Cập sẽ mất đi tính hợp pháp chính trị.

*Mặt khác*, chính là khả năng thực hiện chuyên chế chính trị. Sự ổn định của bất kỳ chế độ nào cũng được thiết lập phụ thuộc vào mối quan hệ giữa mức độ tham gia của chính trị và thể chế chính trị. Để đảm bảo ổn định chính trị, khi sự tham gia chính trị tăng lên thì tính phức tạp, tính tự chủ, khả năng thích ứng và tính liên đới của hệ thống chính trị xã hội cũng phải tăng lên (Al-Awadi, 2004). Đối với các quốc gia độc tài, thực hiện các chính sách chuyên chế và hạn chế mức độ tham gia chính trị là cách phổ biến để củng cố tính hợp pháp chính trị, đó chính là phương pháp mà chính phủ Ai Cập sử dụng để duy trì tính hợp pháp và ổn định chính trị. Chính phủ Ai Cập sử dụng các chính sách đàn áp và trạng thái luật pháp khẩn cấp để kiểm soát các hoạt động chính trị ở tất cả các cấp, hạn chế hoạt động hợp pháp của các đảng chính trị và các đảng đối lập chính trị khác với đảng cầm quyền - Đảng Dân chủ Quốc gia. Để ngăn cản phe đối lập giành chính quyền, chính quyền Ai Cập thực hiện các giải pháp hạn chế quyền tự do dân sự và quyền lực chính trị để chặn đầu vào chính trường một cách hiệu quả để duy trì sự ổn định chính trị.

Đầu tiên, để phù hợp với nhu cầu duy trì tính hợp pháp của chế độ trong các thời kỳ khác nhau, Chính phủ Ai Cập đã nhiều lần kích hoạt tình trạng luật khẩn cấp để trấn áp phe đối lập chính trị. Kể từ năm 1954, Tổ chức Anh em Hồi giáo là tổ chức chính trị đối lập mạnh mẽ nhất đối với chế độ chuyên chế thể tục ở Ai Cập. Kể từ những năm 1990, Tổ chức Anh em Hồi giáo đã bị đàn áp nghiêm trọng và các hoạt động của tổ chức liên quan đến Tổ chức Anh em Hồi giáo thường xuyên bị lực lượng an ninh trấn áp. Một báo cáo bán chính thức cho thấy chỉ trong năm 1990, đã có 51 cuộc đụng độ giữa lực lượng an ninh Ai Cập và các phần tử Hồi giáo, và hơn 115 người đã thiệt mạng (Al-Awadi, 2004, tr.154). Năm 1995, Chính phủ Ai Cập đã bắt giữ hàng trăm thành viên của Tổ chức Anh em Hồi giáo, và 95 thành viên lãnh đạo đã bị tòa án quân sự xét xử. Tiếp theo, Chính phủ hạn chế quyền tự do hội họp và ngôn luận của công dân xuống mức thấp nhất, bao gồm cả các cuộc tụ tập công khai và bán công khai của các nhóm đối lập, tổ chức phi chính phủ và đảng phái chính trị. Chính quyền Tổng thống Gamal Mubarak đã thực hiện tình trạng khẩn cấp ở Ai Cập trong một thời gian dài, họ nhân danh an ninh quốc gia để tùy tiện chà đạp lên các quyền cơ bản của công dân. Cuối cùng là sự lũng đoạn tư pháp và đưa ra chính sách hạn chế sự phát triển của xã hội dân sự. Chính phủ có thể tùy tiện bắt giữ những người bất đồng chính kiến và bỏ tù họ mà không cần xét xử. Trong lĩnh vực xã hội dân sự, Chính phủ Ai Cập cũng tăng cường kiểm soát chặt chẽ, thiết lập sự phụ thuộc của xã hội dân sự vào chính phủ.

#### 4.1.2. Về cơ cấu quyền lực chính trị ở Ai Cập

Bối cảnh chính trị là yếu tố then chốt trong việc phân tích bất kỳ chế độ chính trị nào, sự phân chia và kết hợp của các lực lượng chính trị và những thay đổi trong cơ cấu quyền lực là những phản ánh quan trọng về sự ổn định của quyền lực chính trị của một quốc gia. Trên thực tế, liên minh trực lợi hay xung đột giữa các thể chế nhà nước là biểu hiện của quan hệ quyền lực trong



nhóm cầm quyền, kiểu cạnh tranh này sẽ dẫn đến sự phân bổ quyền lực không đồng đều giữa các lực lượng chính trị và duy trì sự cân bằng trong trạng thái mong manh. Tuy nhiên, những thay đổi trong nước hoặc địa chính trị có thể phá vỡ trạng thái cân bằng hiện có và kích hoạt trạng thái cạnh tranh quyền lực chính trị mới, và cuối cùng hình thành một cấu trúc quyền lực mới là điều kiện cho tình trạng bất ổn chính trị. Vì vậy, sự cân bằng và ổn định của cơ cấu chính trị là tiền đề quan trọng cho sự ổn định chính trị của đất nước.

Sau “Cách mạng tháng Bảy” năm 1952 được phát động bởi Tổ chức Sĩ quan tự do dưới sự lãnh đạo của Gamal Abdel Nasser nhằm giành độc lập quốc gia theo đúng nghĩa, cuộc cạnh tranh quyền lực chính trị ở Ai Cập bắt đầu giữa quân đội, lực lượng an ninh và chính phủ, sự cân bằng quyền lực giữa ba bên đã trở thành điểm tương trợ quan trọng cho sự ổn định nền chính trị độc tài của Ai Cập. Chính phủ Ai Cập cần dựa vào quân đội hoặc lực lượng an ninh để hỗ trợ cho sự cai trị độc tài của mình, đồng thời chia rẽ hai bên để tăng cường quyền tự chủ và tránh hình thành mối quan hệ phụ thuộc vào hai bên. Lực lượng an ninh Ai Cập luôn có sự phụ thuộc chặt chẽ vào chế độ cai trị độc tài. Về phần quân đội Ai Cập, lực lượng này tham gia vào xây dựng hệ thống chính trị và hoạch định chính sách của đất nước, duy trì ảnh hưởng trong các lĩnh vực kinh tế chính trị và các vấn đề khu vực, sẵn sàng can thiệp vào chính trị khi cần thiết. Trong những thập kỷ qua, do các lợi ích khác nhau thúc đẩy, ba lực lượng quyền lực trong nhóm cầm quyền ở Ai Cập có những suy thoái nhất định làm cán cân quyền lực chính trị liên tục thay đổi. Nhìn chung, sự kết hợp dần dần giữa chính phủ và lực lượng an ninh cuối cùng đã làm suy yếu địa vị chính trị của quân đội.

Kể từ sau “Cách mạng tháng Bảy” quyền lãnh đạo chính trị của quân đội Ai Cập đã được thiết lập, quân đội luôn đóng vai trò nòng cốt trong việc xây dựng nhà nước - quốc gia Ai Cập. Quân đội không chỉ là người bảo vệ vững chắc cho nền chính trị thế tục của Ai Cập mà còn là nền tảng của xã hội. Tham gia vào đời sống kinh tế của Ai Cập thông qua việc xây dựng một “đế chế kinh tế quân đội” khổng lồ, một nhóm lợi ích đặc biệt đã được hình thành. Quân đội Ai Cập có lợi ích nhóm độc nhất và độc lập với chính quyền dân sự, đây là điều kiện tiên quyết để đảm bảo các hành động độc lập của quân đội và bảo vệ lợi ích của chính họ. Lợi ích cốt lõi của quân đội là bảo vệ các lợi ích kinh tế to lớn của họ, tham gia vào việc hoạch định các chính sách an ninh và đối ngoại của đất nước, đồng thời tác động đến việc thành lập các tổ chức chính phủ. Tuy nhiên, sau khi Hosni Mubarak lên làm Tổng thống Ai Cập, ông phụ thuộc rất nhiều vào lực lượng an ninh và yêu cầu quân đội phi chính trị hóa.

Ảnh hưởng chính trị là một phần lợi ích cốt lõi của quân đội, ngoài ra quân đội có thực lực kinh tế mạnh và lợi ích kinh tế rất lớn. Lợi ích kinh tế của quân đội Ai Cập bao gồm cả công nghiệp và thương mại, gồm hầu hết các lĩnh vực kinh tế, từ hàng tiêu dùng dân sự đến công nghiệp quân sự, bất động sản, xây dựng, chăm sóc y tế, giáo dục, vận tải và các ngành dịch vụ. Amr Hamzawy - một giáo sư tại Đại học Cairo, người có nhiều nghiên cứu về mối quan hệ kinh tế giữa quân đội và nhà nước Ai Cập, nói rằng quân đội kiểm soát một phần ba nền kinh tế quốc gia của Ai Cập (Hamzawy, 2014). Sự suy yếu của quyền lực chính trị đã làm suy yếu quân đội ở một mức độ nhất định, và đó là một phần quan trọng trong lợi ích cốt lõi của quân đội, nếu lợi ích kinh tế bị đe dọa, chắc chắn sẽ dẫn đến việc quân đội bị gạt ra ngoài lề và điều đó đồng nghĩa với việc cấu trúc nội bộ của nhóm cầm quyền Ai Cập sẽ bị thay đổi.

#### *4.2. Sự tác động của chính trị ở Ai Cập đối với cuộc cải cách tân tự do*

Những cải cách của chủ nghĩa tân tự do ở Ai Cập và những hậu quả kinh tế của nó đã mang đến những ảnh hưởng chính trị to lớn, làm phá vỡ cán cân quyền lực trong nền chính trị độc tài của Ai Cập, làm xuất hiện giới tinh hoa mới và suy giảm tương đối địa vị của quân đội; bên cạnh đó, chính sách tư nhân hóa và thất lưng buộc bụng về tài khóa đã làm thu hẹp các dịch vụ công của chính phủ, làm suy yếu nền tảng tính hợp pháp của chế độ; đồng thời cũng tạo môi trường cho chủ nghĩa Hồi giáo phát triển, gạt ra bên lề giai cấp công nhân, nông dân và tầng lớp trung lưu, làm gia tăng

của các phong trào phản kháng xã hội. Những thay đổi trong cấu trúc kinh tế và chính trị của Ai Cập do cải cách tân tự do là điều kiện cho những biến động chính trị xã hội.

*Một là*, cuộc cải cách của Chủ nghĩa tân tự do đã làm thay đổi cấu trúc nội bộ của nhóm cầm quyền Ai Cập. Cải cách tân tự do đã cho phép gia đình Hosni Mubarak và những người bạn của họ có được những lợi ích kinh tế to lớn, dần dần hình thành một tầng lớp tài phiệt hùng mạnh bao quanh chế độ, trở thành một nhóm lợi ích được thúc đẩy mở rộng, tác động đến mọi khía cạnh của các hoạt động kinh tế. Chủ nghĩa tư bản thân hữu xuất phát từ mối quan hệ “phục tùng” và kết quả là chế độ đầu sỏ kinh tế đã làm thay đổi thêm cấu trúc kinh tế của Ai Cập. Các cuộc cải cách tân tự do từng bước làm xói mòn lợi ích của quân đội Ai Cập, họ dần dần bị gạt ra ngoài lề, vai trò của họ trong lĩnh vực kinh tế bị suy yếu bởi tầng lớp quyền lực mới nổi. Đặc biệt, kế hoạch chuyển giao quyền lực của Hosni Mubarak thậm chí còn phá vỡ quy tắc bất thành văn rằng: Tổng thống Ai Cập cần phải có sự hậu thuẫn quân đội. Do đó, sau cuộc cải cách tân tự do, quân đội không còn là lực lượng hỗ trợ nòng cốt cho chế độ Hosni Mubarak, đây là một trong những lý do chính khiến chế độ Hosni Mubarak sụp đổ nhanh chóng.

*Hai là*, cải cách tân tự do đã làm xói mòn nền tảng về tính hợp pháp của chế độ. “Bánh mì cho sự ổn định” và “phúc lợi để chống đỡ” là cơ sở để những người nắm quyền kể từ sau cách mạng năm 1952 duy trì sự ổn định chính trị ở Ai Cập. Nhưng các cuộc cải cách tân tự do, đặc biệt là việc điều chỉnh hệ thống tiền tệ và tài khóa đã mang lại những khó khăn to lớn cho cuộc sống của đại đa số người dân Ai Cập, các tầng lớp trung lưu rơi vào nghèo đói, tình trạng bùng nổ của dân số làm nổi bật thêm tính chất nghiêm trọng của vấn đề. Nhiều dữ liệu đã cho thấy trong thời kỳ Hosni Mubarak cầm quyền, trợ cấp lương thực của Ai Cập đã giảm hơn 50%, tư nhân hóa đã làm cho “mức độ ổn định công việc thấp hơn, thời gian làm việc dài hơn và tiêu chuẩn dịch vụ xã hội cho người lao động giảm sút” (Wickham, 2002). Cuộc cải cách chỉ mang lại lợi ích thực chất cho những kẻ có quyền và sự tham nhũng diễn ra ở mọi cấp độ trong xã hội và trong nền kinh tế, làm xói mòn trầm trọng lòng tin của người dân vào chính quyền, mâu thuẫn giai cấp trở nên vô cùng căng thẳng. Ngoài ra, Ai Cập đã xích lại gần Hoa Kỳ và chính sách đối ngoại của họ cũng nghiêng về Hoa Kỳ và Israel. Do đó, các lợi thế truyền thống của Ai Cập trong thế giới Ả Rập không còn tồn tại, làm cho vị thế quốc tế của nước này ngày càng giảm xuống.

*Ba là*, sự nổi lên của phe đối lập chính trị Hồi giáo. Tổ chức Anh em Hồi giáo là tổ chức chính trị Hồi giáo lớn nhất ở Ai Cập, tổ chức này đã bị đàn áp dã man trong thời kỳ Gamal Abdel Nasser cầm quyền. Sau khi Anwar Al-Sadad lên nắm quyền, để kiểm chế lực lượng cánh tả, ông ta bắt đầu kết nối quan hệ và tìm cách lôi kéo tổ chức Anh em Hồi giáo nhằm tranh thủ sự ủng hộ cho chính quyền của ông. Sau khi Hosni Mubarak lên nắm quyền, chính sách này vẫn tiếp tục, cho phép tổ chức Anh em Hồi giáo tham gia vào các câu lạc bộ, hội sinh viên, công đoàn, các tổ chức phi chính phủ, và các thành viên của họ được phép tham gia vào các cuộc bầu cử quốc hội với tư cách cá nhân. Cuộc cải cách tân tự do đã tạo cơ hội cho tổ chức Anh em Hồi giáo phát triển sức mạnh kinh tế, rất nhiều doanh nhân lớn thuộc tầng lớp trung lưu và thượng lưu là người thuộc tổ chức này. Trong nền kinh tế thị trường tự do và cải cách thương mại hóa tự do, vai trò của họ trong lĩnh vực kinh tế, đặc biệt là kinh tế dịch vụ và tài chính Hồi giáo đã tăng lên nhanh chóng. “Vào cuối những năm 1980, nền kinh tế tư nhân của Ai Cập thực sự được kiểm soát bởi 18 gia đình, trong đó 8 gia đình là thành viên của Tổ chức Anh em Hồi giáo” (Wickham, 2002, tr.102). Tổ chức Anh em Hồi giáo cũng lợi dụng sự thiếu hụt các dịch vụ công ở Ai Cập sau cải cách kinh tế để thay thế chính phủ thực hiện các dịch vụ xã hội và chức năng cứu trợ, liên tục tăng cường khả năng vận động xã hội, làm suy yếu tính hợp pháp của chế độ độc tài. Trong cuộc bầu cử quốc hội năm 2000, khoảng 900 công ty của Tổ chức Anh em Hồi giáo đã tài trợ cho các ứng cử viên quốc hội của họ (Al-Awadi, 2004). Tổ chức Anh em Hồi giáo đã mở rộng tầm ảnh hưởng xã hội của mình bằng cách cung cấp các dịch vụ xã hội và giành lấy lại các thể chế phi chính trị như nhà thờ Hồi giáo, lớp học thánh thư, gia đình và những nơi kết nối bạn bè thân hữu làm địa điểm chính cho hoạt động của mình.

Tổ chức Anh em Hồi giáo chủ yếu hoạt động “bên lề” các hiệp hội nghề nghiệp hoặc các nhóm lợi ích và “ngoại vi” các tổ chức tôn giáo, cộng đồng và trung tâm thanh thiếu niên, trường học, gia đình... bên ngoài trung tâm quyền lực nhà nước và thiết lập cơ chế hoạt động song song với chế độ độc tài (Wickham, 2002). Các tổ chức Hồi giáo như Tổ chức Anh em Hồi giáo là những người trực tiếp hưởng lợi và cũng là lực lượng ủng hộ trung thành đối với cải cách tân tự do. Bởi vì, cải cách đã thúc đẩy sự phát triển và lớn mạnh nên chính trị Hồi giáo, biến nó trở thành lực lượng chính trị đầu tiên trỗi dậy trong thời kỳ hậu Hosni Mubarak.

*Bốn là*, sự nổi lên của các phong trào phản kháng xã hội. Cuộc khủng hoảng kinh tế và xã hội ở Ai Cập có nguyên nhân từ cải cách của chủ nghĩa tân tự do và sự phân chia giai cấp trong xã hội. Những bất mãn mạnh mẽ của người dân do chế độ độc tài gây ra đã làm xói mòn tính hợp pháp của chế độ Hosni Mubarak. Sự xâm phạm các quyền của người dân từ các cuộc cải cách của chủ nghĩa tân tự do đã gây ra sự phẫn nộ trong nhân dân. Năm 1998, có khoảng 80 cuộc biểu tình và đình công của lao động diễn ra ở Ai Cập (Paczynska, 2009), và các cuộc biểu tình ngay sau đó lan nhanh từ công nhân sang các tầng lớp khác trong xã hội. Năm 2010, có hơn 700 cuộc biểu tình và đình công trên khắp cả nước. Từ năm 2001 đến năm 2011, khoảng 2 triệu người Ai Cập đã tham gia vào các cuộc đình công (Kandil, 2014). Sự kiện lớn nhất trong số này là phong trào vận động cải cách với khẩu hiệu “Đủ rồi” (Kifaya) diễn ra từ năm 2004 đến năm 2005. Khoảng 2.000 người, bao gồm trí thức, nghệ sĩ, chuyên gia, giáo viên, sinh viên đại học và công nhân đã ký vào bản tuyên bố, đại diện cho tiếng nói của các nhóm chính trị và xã hội khác nhau ở Ai Cập, họ áp dụng hình thức phản đối bất bạo động như biểu tình và mít tinh để phản đối chế độ cha truyền con nối của Tổng thống. Đây được xem là phong trào nhân quyền có ảnh hưởng lớn nhất trong thời kỳ Hosni Mubarak nắm quyền. Mặc dù thất bại, nhưng nó được xem như một cuộc diễn tập cho thắng lợi của cuộc cách mạng sắp diễn ra.

### **5. Đánh giá về cuộc cải cách của chủ nghĩa tân tự do ở Ai Cập**

Các cuộc cải cách tân tự do đã có tác động tiêu cực đến nền kinh tế, và những hậu quả chính trị xã hội mà nó tạo ra là một cuộc chính biến ở Ai Cập. Tư nhân hóa kinh tế dường như giúp nâng cao hiệu quả sản xuất và hình thành nền kinh tế thị trường cạnh tranh, nhưng cuộc “cải cách cổ tức” này có giới hạn và tồn tại trong thời gian ngắn, trong khi hậu quả tiêu cực của nó là nghiêm trọng và lâu dài. Argentina được các nhà chức trách Hoa Kỳ ca ngợi là “mô hình cải cách” của chủ nghĩa tân tự do, Nga thực hiện “liệu pháp sốc”, và một số nước châu Á khác như Indonesia và Thái Lan từng thực hiện cải cách theo chủ nghĩa tân tự do, và cuối cùng đều đã rơi vào vực thẳm của sự khủng hoảng kinh tế và bất ổn chính trị và xã hội. Kinh nghiệm của nhiều nước đang phát triển như Ai Cập đã chứng minh rằng, việc thực hiện tư nhân hoá và cải cách theo hướng thị trường ở các nước có trình độ phát triển kinh tế tương đối thấp không những không thúc đẩy kinh tế phát triển mà còn dẫn đến phá sản các ngành công nghiệp quốc gia, gia tăng sự phân cực giữa người giàu và người nghèo và nạn tham nhũng tràn lan. Hàng loạt hậu quả nghiêm trọng diễn ra mà trong đó có tình trạng bất ổn chính trị.

*Thứ nhất*, cải cách tân tự do không thể thực sự giải quyết được vấn đề phát triển của Ai Cập. Sau những cải cách của Ai Cập, có vẻ như nền kinh tế của nước này đã phát triển nhanh chóng trong nhiều năm, nhưng đây chẳng qua là một sự thịnh vượng giả tạo. Trên thực tế, nền kinh tế Ai Cập “có tăng trưởng nhưng không phát triển”, và Chính phủ Ai Cập chỉ có thể dựa vào xuất khẩu các sản phẩm chính như dầu mỏ, thu phí cầu kênh, du lịch, kiều hối và thậm chí cả viện trợ nước ngoài để tồn tại. Đằng sau những dữ liệu kinh tế rực rỡ là một thực tế phũ phàng rằng, nền công nghiệp quốc gia Ai Cập đã bị phá hủy bởi hàng hóa nhập khẩu và các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài sau khi thực hiện tự do hóa thương mại, sự suy giảm của nền công nghiệp và nền kinh tế của Ai Cập đã mất hoàn toàn khả năng tự tạo ra máu nuôi mình. Quá trình tư nhân hóa các doanh nghiệp nhà nước mà Ai Cập đã xây dựng và phát triển trong nhiều thập kỷ lại bị bán với giá thấp, dẫn đến việc có sự thông đồng giữa chính phủ và các doanh nhân, sự trỗi dậy của nạn tham nhũng và chế độ đầu sỏ kinh tế.

Lạm phát nhập khẩu do mở rộng nhập khẩu đã làm trầm trọng thêm áp lực đối với đời sống của người dân. Tự do hóa đầu tư dẫn một dòng tiền lớn lao vào thị trường bất động sản và chứng khoán, điều này không chỉ vô ích đối với nền kinh tế mà còn ẩn chứa những rủi ro tài chính rất lớn.

*Thứ hai*, cải cách tân tự do đã làm cho các nước đang phát triển bị “tái thực dân hóa”. Việc thúc đẩy chủ nghĩa tân tự do ở các nước đang phát triển là một thỏa thuận thể chế toàn cầu được thực hiện bởi Hoa Kỳ, các tổ chức tài chính quốc tế và các công ty đa quốc gia. Mục đích cơ bản của nó là lôi kéo các nước đang phát triển vào hệ thống tư bản toàn cầu. Đây là một biểu hiện cho những nỗ lực của chủ nghĩa tư bản độc quyền quốc tế trong việc thống nhất ý chí toàn cầu. Washington đã vượt xa toàn cầu hóa kinh tế và từ lâu và tạo ra “sự hợp nhất” bởi các hệ thống kinh tế, chính trị và văn hóa, tức là Mỹ hóa.

Như một điều kiện bổ sung hỗ trợ vốn vay, kế hoạch điều chỉnh cơ cấu của chủ nghĩa tân tự do được chấp nhận bởi các quốc gia đang chìm sâu trong nợ nần, khủng hoảng tiền tệ hoặc mất cân đối nghiêm trọng trong cán cân thanh toán của họ. Để có được các khoản vay từ các tổ chức tài chính quốc tế, các nước đang phát triển như Ai Cập đã buộc phải từ bỏ chủ quyền kinh tế của mình, phục vụ cho nhu cầu của các nước phương Tây như Hoa Kỳ, mở cửa cho các công ty đa quốc gia và vốn quốc tế tự do di chuyển trong nền kinh tế của mình, điều đó làm phá sản các ngành công nghiệp quốc gia. Việc mở rộng nhập khẩu và duy trì tỷ giá hối đoái cố định khiến các nước này luôn phải đối mặt với vấn đề thiếu hụt ngoại hối, phải tiếp tục vay nợ từ các tổ chức tài chính quốc tế, làm tăng sự phụ thuộc của họ vào hàng hoá và vốn của nước ngoài và làm mất khả năng phát triển của chính họ, trở nên lệ thuộc chặt chẽ vào hệ thống tư bản phương Tây.

*Thứ ba*, cải cách tân tự do là nguyên nhân tạo ra các bất ổn xã hội. Chủ nghĩa tân tự do ca ngợi một cách mù quáng vai trò của thị trường, tin vào ý kiến cho rằng “thị trường” ưu việt hơn “chính phủ”, và chủ trương rằng các nước đang phát triển nên cắt giảm chi tiêu của chính phủ nhằm ổn định kinh tế, giảm tài trợ cho người nghèo và nới lỏng các biện pháp kiểm soát thị trường nội địa. Do đó, chủ nghĩa tân tự do đã bỏ qua những tác động xã hội được tạo ra từ hoạt động kinh tế, và chúng ta có thể khẳng định rằng đó chỉ là một loại chủ nghĩa giáo điều về tăng trưởng kinh tế. Cũng cần có nhận định khách quan rằng, những cải cách của chủ nghĩa tân tự do chắc chắn đã góp phần thúc đẩy tăng trưởng kinh tế trong một thời gian ngắn, nhưng mô hình tăng trưởng này thiếu bền vững và không mang lại lợi ích tổng thể cho mọi tầng lớp người dân, do đó nó vẫn không có nhiều ý nghĩa đối với chiến lược phát triển bền vững của các quốc gia. Ngược lại nó là tác nhân tạo ra một cuộc cướp bóc tài sản của người nghèo đem cho người giàu. Nói tóm lại, kế hoạch của chủ nghĩa tân tự do đã khiến một lượng lớn tài sản trong nước tập trung vào tay những nhà tư bản giàu nhất, những người đã đạt được tốc độ tăng trưởng tài sản nhanh chóng, trong khi các tầng lớp yếu thế liên tục bị tước đoạt. Chính việc nhà nước phớt lờ vấn đề công bằng xã hội nên khoảng cách giàu nghèo ngày càng lớn, một số lượng lớn người dân ở tầng lớp yếu thế lâm vào cảnh nghèo túng cùng cực. Hầu như không có ngoại lệ, các quốc gia thực hiện cải cách theo chủ nghĩa tân tự do đều rơi vào tình trạng hỗn loạn xã hội, kinh tế đình trệ và thậm chí lâm vào thoái trào.

*Thứ tư*, cuộc cải cách của chủ nghĩa tân tự do chính là nguyên nhân chính dẫn đến tình trạng suy thoái chính trị nghiêm trọng. Từ góc nhìn chế độ chính trị, cải cách tân tự do đã kích hoạt việc tổ chức lại cấu trúc quyền lực trong nội bộ các nhóm cầm quyền ở các nước đang phát triển, và sự gia tăng của các nhóm lợi ích được trao quyền cải cách đã thách thức địa vị của giới tinh hoa cầm quyền. Những cấu trúc ban đầu về quyền lực chính trị đã bị phá vỡ, và như vậy chế độ chính trị này sẽ rơi vào tình trạng bất ổn. Từ phương diện nền chính trị độc tài, cải cách tân tự do làm tăng thêm căng thẳng trong mối quan hệ giữa chính phủ và người dân, buộc chính phủ phải tăng cường quyền lực của mình, điều này đã làm gia tăng xung đột. Các cuộc cải cách đã mở rộng không gian, môi trường cho phép các phe đối lập hoạt động, giúp họ có sức mạnh lớn hơn để thách thức chế độ. Dưới áp lực của Hoa Kỳ và các nước phương Tây khác, các nước thực hiện cải cách theo chủ trương của chủ nghĩa tân tự do đều phải áp dụng các biện pháp dân chủ hóa ở các mức độ khác nhau,

và điều này đã làm suy yếu chế độ độc tài, dẫn đến mất ổn định chính trị. Do đó, sau khi thực hiện các cải cách tân tự do ở Ai Cập và các nước đang phát triển khác, hầu hết đều có kết quả chung, đó là những thay đổi lớn về chế độ chính trị hoặc bất ổn về chính trị. Xói mòn và rối loạn chính trị đã làm mất đi các tiền đề cho sự phát triển kinh tế.

## 6. Kết luận

Bài học của Ai Cập cho thấy rằng, chủ nghĩa tân tự do không phải là liều thuốc chữa bách bệnh để giúp các nước đang phát triển đạt được thành công về kinh tế, ngược lại nó trở thành công cụ giúp chủ nghĩa tư bản phương Tây đẩy các nước đang phát triển ra ngoài lề trong cuộc chơi chính trị và kinh tế toàn cầu. Do đó, các nước đang phát triển phải độc lập tìm cho mình con đường phát triển, tập trung phát triển công nghiệp, nông nghiệp, thực hiện công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp để thoát khỏi sự lệ thuộc kinh tế hoặc đi vào vết xe đổ mà các nước khác đã để lại, mà Ai Cập như là một điển hình. Đây cũng là bài học quan trọng cho Việt Nam trong quá hội nhập và phát triển. Theo đó, Việt Nam cần phải tận dụng các lợi thế trong phát triển nông nghiệp và công nghiệp sản xuất, xây dựng nền kinh tế độc lập và tự chủ, tránh lệ thuộc vào bất kỳ nền kinh tế hoặc quốc gia nào trên thế giới. Đảng Cộng sản Việt Nam phải luôn chính danh trong lãnh đạo nhà nước và xã hội, luôn lấy lợi ích quốc gia, dân tộc, lợi ích giai cấp và toàn xã hội làm mục đích cho hành động của Đảng.

## Tài liệu tham khảo

1. Mạnh, Hà Bình (2014), “Chủ nghĩa tân tự do - con đường dẫn đến thảm họa”, Tạp chí *Nghiên cứu triết học của chủ nghĩa Mác*, Trung Quốc, số 11.
2. Vĩ, Vương Bản (2007), “Chính sách mở cửa kinh tế của Anwar Al-Sadad”, Tạp chí *Khoa học và công nghệ* (Đại học giao thông Trưng Khánh), Trung Quốc, số 04.
3. Al-Awadi, H (2004), “In Pursuit of Legitimacy: The Muslim Brothers and Mubarak, 1982-2000”, *New York: Tauris Academic Studies* (197): 2-192.
4. Amin, G (2011), *Egypt in the Era of Hosni Mubarak 1981 – 2011*, Cairo: The American University in Cairo Press.
5. Beinín, J (2001), *Workers and Peasants in the Modern Middle East*, Cambridge: Cambridge University Press.
6. Chowdhury, S (2007), *Everyday Economic Practices: The “Hidden Transcripts” of Egyptian Voices*, New York: Routledge.
7. Hamzawy, A (2014), *A Margin for Democracy in Egypt - The Story of An Unsuccessful Transition*, Lebanese Publishers.
8. Haviland, W (2002), *Anthropology*, CA.: Thomson Wadsworth.
9. Huntington, S (1991), *The Third Wave: Democratization in the Late Twentieth Century*, University of Oklahoma Press.
10. Ikram, K (2006), *The Egyptian Economy, 1952 - 2000: Performance, Policies and Issues*, New York: Routledge.
11. Kandil, H (2014), *Soldiers, Spies and Statesmen: Egypt’s Road to Revolt*, New York: Verso.
12. Lesch, D (2012), “The Arab Spring: Change and Resistance in the Middle East”, Boulder: Westview Press.
13. Osman, T (2011), *Egypt on the Brink: From Nasser to Mubarak*, New Haven: Yale University Press.
14. Paczynska, A (2009), *State, Labor and the Transition to a Market Economy: Egypt, Poland, Mexico and the Czech Republic*, Pennsylvania: The Pennsylvania State University press.
15. Rutherford, B (2013), *Egypt after Mubarak: Liberalism, Islam and Democracy in the Arab World*, Princeton University press.
16. Taylor, C and Morse, J (2009), “Neoliberalism: From New Liberal Philosophy to Anti-Liberal Slogan”, *Studies in Comparative International Development*, No. 44 (2).
17. Victims, B and Heroines (2001), “Women, Welfare and the Egyptian State”, London: Zed Press.
18. Wickham, C (2002), *Mobilizing Islam: Religion, Activism and Political Change in Egypt*, New York: Columbia University Press.